TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 120/2019/QĐST - HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH Q

Căn cứ các Điều 212; Điều 213; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 2, khu 6, phường Đ, thành phố H, tỉnh Q.

Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 2, khu 6, phường Đ, thành phố H, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn ngày 02/02/1994 tại UBND xã Đ, huyện H (nay là phường Đ, thành phố H), tỉnh Q. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm về cách sống, vợ chồng không còn niềm tin ở nhau. Cả hai đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân 10 năm mỗi người đều đã có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau và không có khả năng quay trở lại đoàn tụ. Đến nay cả hai đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên đã thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H có một con chung là Nguyễn Hoàng Y sinh ngày 26/12/1994. Đến nay con chung đã đủ tuổi thành niên, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung: không có.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H thỏa thuận chị N nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H có một con chung là Nguyễn Hoàng Y sinh ngày 26/12/1994. Đến nay con chung đã đủ tuổi thành niên, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Chị N đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000862 ngày 10/4/2019 của Chi cục thi hành án thành phố H. Chị N đã nộp xong tiền lệ phí của việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
-UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Đ